TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 334/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 7 - 2023
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Chiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Tám

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Trần Thiện Nhân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp Hôn nhân và Gia đình " Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 207/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* anh Nguyễn Ngọc M, (tự N) sinh năm 1983.

Nơi cư trú: số nhà A, tổ D, ấp T, xã T, huyện P, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0812.022.606;

2. *Bị đơn:* chị Nguyễn Thị Kim N1, sinh năm 1984.

Địa chỉ: số nhà H C, khóm T, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang.

(các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình hòa giải, nguyên đơn Nguyễn Ngọc M trình bày:

Anh và chị N1 thông qua mai mối và được sự đồng ý của gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang số 115/2007, ngày 29/10/2007. Sau khi cưới và kết hôn, vợ chồng sống không hạnh phúc cho đến nay, do vợ chồng bất đồng quan điểm luôn có sự cãi vã, về quan điểm của mỗi người không hợp nhau, sống

không có tình thương, không có tiếng nói chung trong hôn nhân, tình trạng mâu thuẫn kéo dài gia đình hai bên có tổ chức hàn gắn nhưng không thành, nên ly thân từ tháng 10 năm 2021 cho đến nay, quá trình ly thân nhiều lần gia đình hai bên hàn gắn nhưng không được và anh cũng đã nộp đơn đến Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang nhiều lần cũng được động viên hàng gắn, anh rút đơn để tạo điều kiện vợ chồng hàn gắn nhưng cũng không được, gần đây nhất là vào tháng 08 năm 2022 Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang đã đưa ra xét xử vụ án nhưng tại phiên tòa theo yêu cầu của chị N1 nên Tòa án cho thời gian 06 tháng để vợ chồng cùng hàn gắn, anh tiếp tục rút đơn, nhưng đến nay hai người vẫn không thể tiếp tục chung sống với nhau do tình cảm không còn. Nay cương quyết yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim N1.

- Về con chung: có 01 đứa tên Nguyễn Ngọc Minh Đ, sinh ngày 01/01/2009, hiện nay đang sống cùng chị Nguyễn Thị Kim N1. Khi ly hôn anh đồng ý giao cho chị N1 nuôi dưỡng anh đồng ý cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000đ đến khi con thành niên hoặc tự nuôi sống bản thân được.

- Về tài sản chung: không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ phải thu phải trả: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim N1 trình bày: Hôn nhân của chị và anh M do mai mối cha mẹ hai bên quyết định, hai người cũng tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang ngày 29/10/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, cũng có cự cãi với nhau, chị và anh M đã ly thân từ tháng 10 năm 2021 cho đến nay, quá trình ly thân hai bên đã hàn gắn rất nhiều lần nhưng không được do anh M không có ý chí hàn gắn. Nay anh Nguyễn Ngọc M xin ly hôn chị không đồng ý vì cuộc sống vẫn diễn ra bình thường, chị vẫn còn tình cảm với anh M.

- Về con chung: có 01 đứa tên Nguyễn Ngọc Minh Đ, sinh ngày 01/01/2009, hiện đang sống cùng với chị. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh M cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết

- Về nợ phải thu phải trả: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: hiện nay chị N1 cư trú tại: thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang nên anh M khởi kiện xin ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Anh M xin ly hôn và giải quyết việc nuôi

con nên quan hệ tranh chấp là " Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khỏan 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, hôn nhân của anh, chị được xác lập do mai mối và được cha mẹ hai bên đồng ý, tổ chức lễ cưới năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân T, huyện P, tỉnh An Giang, quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do quan niệm sống hai người không đồng nhất, tình cảm thương yêu chăm sóc lẫn nhau không có, vợ chồng cũng có cãi vả nhau, tình cảm hai người rạn nứt cha mẹ hai bên hàn gắn nhiều lần cũng được thời gian rồi tiếp tục ly thân, đến mức anh M phải gởi đơn ra Toà ly hôn nhiều lần, hai người cũng được động viên hàn gắn cũng được một thời gian ngắn rồi tiếp tục ly thân từ tháng 10 năm 2021 đến nay. Hội đồng xét xử nhận thấy tuy hôn nhân của anh chị không tìm hiểu trước hai người cũng tự nguyện kết thành vợ chồng, thời gian dài chung sống không có hạnh phúc tình cảm vợ chồng phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh M yêu cầu ly hôn với chị N1, để anh chị có cuộc sống riêng sau này, tìm hạnh phúc cho riêng mình, nên hội đồng xét xử cho anh chị ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Về con chung: có 01 đứa tên Nguyễn Ngọc Minh Đ, sinh ngày 01/01/2009, hiện đang sống cùng với chị N1, nếu ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Đ đến thành niên, không yêu cầu anh M cấp dưỡng. Nay anh M đồng ý để chị N1 tiếp tục nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000đ đến khi cháu thành niên hoặc tự lập được. Xét thấy việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên đối với con chưa thành niên, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, hiện cháu Đ đang do chị N1 chăm sóc ổn định phù hợp với nguyện vọng của cháu, anh M cũng đồng ý, nên HĐXX giao cháu Đ cho chị N1 tiếp tục nuôi dưỡng đến thành niên hoặc tự lập được

Về cấp dưỡng cho cháu Đ anh M tự nguyện, chị N1 không yêu cầu đây là quyền lợi của cháu Đ cũng là trách nhiệm của người cha, người không trực tiếp nuôi dưỡng con sau khi ly hôn, vì quyền lợi của trẻ chưa thành niên nên hội đồng xét xử ghi nhận sự tự cấp dưỡng của anh M để phù hợp với Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về quan hệ tài sản chung: Các bên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Ghi nhận anh M và chị N1 khai không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh M, chị N1 phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án khác.

[3] Về án phí: anh Nguyễn Ngọc M là người xin ly hôn và phải cấp dưỡng cho con, nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 56, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ Luật Tố tụng Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Điều 26, khoản 5 Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Ngọc M đối với chị Nguyễn Thị Kim N1

- Về hôn nhân: anh Nguyễn Ngọc M được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim N1.

- Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Ngọc Minh Đ, sinh ngày 01/01/2009 cho chị Nguyễn Thị Kim N1 nuôi dưỡng đến thành niên hoặc tự lập được, anh Nguyễn Ngọc M phải cấp dưỡng cho con Nguyễn Ngọc Minh Đ mỗi tháng 1.000.000đ, cấp dưỡng lần đầu ngày 30/8/2023

- Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Nguyễn Ngọc M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng, tổng cộng 600.000đ được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006062 ngày 05/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, còn lại 300.000đ anh M phải nộp tiếp, chị Nguyễn Thị Kim N1 không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Trường hợp bản án, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS H. Phú Tân;
- UBND thị trấn Phú Mỹ, H. Phú Tân, Tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Chiến